TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-PT
Ngày 16-9-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Phương

Bà Đặng Hồ Điệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt và bồi thường thiệt hại.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 48/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn a, xã b, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Nước sạch TS; địa chỉ trụ sở: Khu q 2, thị trấn TS, huyện AL, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Nước sạch TS (viết tắt Công ty Nước sạnh TS): Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1957, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (Giấy uỷ quyền số 02/UQ ngày 12/9/2022); có mặt;

- *Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Ngọc LH2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Xá, thị trấn AL, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Ngọc LH2: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Phương Chử Đông, xã Trường Thành, huyện AL, thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền ngày 10/01/2022); có mặt;

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Hải N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 22/9/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/10/2021; bản tự khai ngày18/11/2021, ngày 14/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn – anh Nguyễn Hải N và người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Ngọc LH2 thống nhất trình bày:

Gia đình anh N, chị LH2 có 04 thành viên bao gồm vợ là chị Nguyễn Ngọc LH2 và các con là Nguyễn Thị Minh H3, sinh năm 2013 và Nguyễn Hải H4, sinh năm 2017. Gia đình anh N có mua, sử dụng nước sinh hoạt của Công ty Nước sạch TS từ năm 2014. Từ năm 2014 cho đến tháng 09 năm 2020 giữa hai bên không có vấn đề gì phát sinh. Vợ anh N, chị LH2 là người ký Hợp đồng với Công ty Nước sạch TS. Đến ngày 16/10/2020, gia đình anh N nhận được thông báo của Công ty Nước sạch TS cho rằng gia đình anh N đã đấu nối nước cho người khác sử dụng nên cắt nước của gia đình anh N. Trước thời điểm tháng 10 năm 2020, gia đình anh N được Công ty Nước sạch TS và Uỷ ban xã Trường TH4nh mời đến trụ sở Uỷ ban xã họp để giải quyết về việc vi phạm sử dụng nước của các hộ dân có phòng trọ, nH4 nghỉ, cho thuê, quán ăn. Chị LH2 vợ của anh N đi họp và thông báo cho anh N biết là Công ty Nước sạch TS sẽ tăng giá tiền mua nước và đưa ra dự kiến thu tiền lắp đặt đồng hồ đo nước cho các phòng trọ nhưng gia đình anh N không đồng ý. Vì vậy, anh N đã nhiều lần làm đơn kiến nghị Công ty Nước sạch TS đến Uỷ ban xã Trường TH4nh đề nghị giải quyết, nhưng chưa được Uỷ ban xã giải quyết. Sau khi cắt nước Công ty Nước sạch TS và Uỷ ban xã Trường TH4nh đã 03 lần mời anh N đến làm việc. Anh N có hỏi lý do vì sao Công ty nước sạch TS cắt nước của gia đình anh N thì họ cho rằng gia đình anh đã vi phạm hợp đồng mua nước đã ký kết. Anh N cũng hỏi khoản tiền Công ty Nước sạch TS dự định thu thêm của gia đình anh N như thế nào nhưng Công ty Nước sạch TS không lý giải nên hai bên không thống nhất được cách giải quyết. Thực tế, gia đình anh N không đấu nối nước cho ai ngoài phạm vi đất của nH4 anh N. Gia đình anh N chỉ cho thuê 08 phòng trọ và đều sử dụng chung đồng hồ nước đã làm. Việc cho thuê các phòng trọ không tách hộ và việc cho thuê cũng không ổn định. Gia đình anh N vẫn đóng tiền sử dụng nước đầy đủ. Công ty Nước sạch TS cắt nước của gia đình anh N nên đã gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình anh N. Để có nguồn nước sinh hoạt H4ng ngày khác thì anh N đã phải bỏ tiền để xây dựng hệ thống dẫn nước mới sử dụng tạm

thời. Căn cứ vào văn bản hướng dẫn số 832/UBND-VP ngày 24/5/2021 của Uỷ ban xã, anh N đã làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án buộc Công ty Nước sạch TS phải đấu lại nguồn cung cấp nước cho gia đình anh N và bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cắt nước với tổng số tiền là 120.000.000 đồng bao gồm xây dựng hệ thống giếng khơi: 12.000.000 đồng; hệ thống bể lọc, bể chứa: 85.000.000 đồng; hệ thống máy lọc, máy bơm, bồn téc chứa inox: 23.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn – Công ty TNHH Nước sạch TS trình bày:

Ngày 05 tháng 01 năm 2015, Công ty Nước sạch TS có ký Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt số 32/PCDK1 với hộ anh Nguyễn Hải N và vợ là chị Nguyễn Ngọc LH2. Mục đích của việc ký hợp đồng là mua bán nước sinh hoạt cho hộ gia đình 04 người. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khoảng tháng 6 năm 2019, Công ty Nước sạch TS tiến H4nh rà soát, kiểm tra toàn bộ các hộ dân trên địa bàn xã Trường TH4nh về việc sử dụng nước thì phát hiện có 70 hộ gia đình sử dụng nước không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng, trong đó có gia đình anh Nguyễn Hải N. Cụ thể vi phạm của gia đình anh N là tự ý đấu nối nước sau đồng hồ cho các hộ thuê trọ của gia đình anh N mà chưa được sự đồng ý của Công ty Nước sạch TS. Các hộ thuê trọ này cũng chưa ký Hợp đồng mua bán nước với Công ty Nước sạch TS. Hộ gia đình anh N đã vi phạm khoản 1 Điều IV của Hợp đồng mua bán nước sinh hoạt, cụ thể: cho người khác đấu nối trái phép vào hệ thống trước hoặc sau đồng hồ. Sau khi phát hiện thấy điều này, Công ty Nước sạch TS đã phối hợp cùng Uỷ ban xã Trường TH4nh mời các hộ dân trong đó có gia đình anh N đến để đối thoại, gia đình anh N có chị Nguyễn Ngọc LH2 là vợ của anh N đến tham dự. Tại cuộc họp này, Công ty Nước sạch TS đã tuyên truyền, giải thích thêm để người dân hiểu rõ về hợp đồng mua bán nước và các quy định của pháp luật có liên quan. Cụ thể, hộ anh N phải dừng ngay việc tự ý đấu nối trước hoặc sau đồng hồ, yêu cầu chủ nH4 trọ là anh N phải ký hợp đồng mua bán nước cho các phòng trọ trong khuôn viên của nH4 anh N. Về kinh phí lắp đặt nước cho các phòng trọ, chủ hộ phải trả với giá 1.000.000 đồng/01 phòng trọ. Sau cuộc họp này thì toàn thể các hộ dân có phòng trọ đều đồng ý pH3 án mà Công ty Nước sạch TS nêu, chỉ riêng hộ anh N không đồng ý. Sau đó, Công ty Nước sạch TS đã 04 lần thông báo cho hộ anh N biết về việc tạm dừng cấp nước do không thực hiện đúng hợp đồng vào các ngày 02/6/2020, ngày 23/9/2020, ngày 16/10/2020 và ngày 20/10/2020. Thông báo lần 1,2,3 Công ty nhờ Uỷ ban xã Trường TH4nh giao văn thư chuyển cho hộ anh N, lần thứ tư thì thông qua Trưởng thôn PH3 Chử Đông giao trực tiếp cho chị LH2. Do anh N không thực hiện theo yêu cầu của Công ty nước sạch TS tại cuộc họp cũng như các thông báo của Công ty Nước sạch TS nên tháng 10 năm 2020, Công ty Nước sạch TS tiến H4nh tạm ngừng việc cấp nước cho hộ anh N. Nay Công ty Nước sạch TS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N đòi bồi thường thiệt hại tổng số tiền 120.000.000 đồng.

Công ty Nước sạch TS không thực hiện việc đấu nối tiếp tục bán nước cho hộ anh N nếu hộ anh N không đáp ứng các yêu cầu của Công ty Nước sạch TS.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện AL, tH4nh phố Hải Phòng đã căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 385, 389, 401,428, 430 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N về việc buộc Công ty Nước sạch TS phải đấu nối lại đồng hồ nước và bồi thường số tiền 120.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng mua bán nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 3 năm 2022, anh N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị làm rõ việc sử dụng hợp đồng mua bán nước sinh hoạt độc quyền gây bất L2 cho người dân; đơn pH3 ngừng cấp nước. Gia đình anh N không nhận được thông báo của Công ty, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của anh N, sửa bản án sơ thẩm.

Bị đơn – Công ty nước sạch TS giữ nguyên lời trình bày, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tH4nh phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp H4nh đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp H4nh và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Quá trình sử dụng nước sinh hoạt, hộ gia đình anh N đã vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty Nước sạch TS nên kháng cáo của anh N là không có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán nước sinh hoạt và bồi thường thiệt hại. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tH4nh phố Hải Phòng – khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện trong thời hạn luật định nên còn thời hiệu khởi kiện – Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn – anh Nguyễn Hải N: Căn cứ lời khai của các đương sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Ngày 18/4/2005, Uỷ ban nhân dân xã Trường TH4nh, huyện AL, tH4nh phố Hải Phòng và Công ty TNHH Nước sạch TS ký kết Hợp đồng về việc đầu tư, quản lý và khai thác công trình Trạm cấp nước sạch PH3 Chử Nam, xã Trường TH4nh, huyện AL, tH4nh phố Hải Phòng số 02/2005/HĐ-UB. Theo đó, bên giao thầu là Uỷ ban nhân dân xã Trường TH4nh (bên A), bên nhận thầu là Công ty TNHH Nước sạch TS (bên B). Bên A đồng ý giao cho bên B tiếp nhận công trình Trạm cấp nước sạch của địa pH3 đang xây dựng tại thôn PH3 Chử Nam, xã Trường TH4nh để bên B quản lý, tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện và khai thác, sử dụng công trình phục vụ cung cấp dịch vụ nước sạch cho nhu cầu của nhân dân địa pH3 và các khu vực xung quanh. Thời hạn hợp đồng là 25 năm tính từ tháng 4 năm 2005. Sau thời hạn 25 năm nếu bên B còn có nhu cầu thì 02 bên cùng bàn bạc tiếp. PH3 thức hợp đồng: Bên A giao cho bên B tự đầu tư nguồn vốn và tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt và sản xuất kinh doanh cho nhân dân địa pH3. Uỷ ban nhân dân xã không thu một khoản đóng góp nào cho ngân sách.

[4] Ngày 05/11/2015, Công ty nước sạch TS (bên A) và hộ anh Nguyễn Hải N (chị LH2 vợ của anh N đại diện – bên B) đã ký kết Hợp đồng mua bán nước máy số 32PCĐK1. Theo đó, hai bên thoả thuận: Hai bên đồng ý mua bán nước sinh hoạt hộ gia đình gồm 04 người theo khả năng điều kiện cấp nước hiện có của Công ty Nước sạch TS. Ngoài ra, các bên còn thoả thuận về giá cả, pH3 thức trả tiền mua nước. Tại khoản 2 Điều III quy định:…. Bên B phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống cấp nước và sử dụng nước máy….Tại khoản 1 Điều IV của Hợp đồng quy định: Bên A có quyền đơn pH3 huỷ hợp đồng, ngừng cấp nước, thu hồi vật tư, đòi bồi thường thiệt hại thực tế và phạt vi phạm hợp đồng từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu bên B có một trong những vi phạm sau: Sử dụng nước không đúng mục đích đã thoả thuận; cho người khác đấu trái phép vào hệ thống trước hoặc sau đồng hồ….

[5] Theo Báo cáo số 72/BC- UBND ngày 14/11/2020; số 02/BC-UBND ngày 08/01/2021 của Uỷ ban nhân dân xã Trường TH4nh thì Uỷ ban xã đã mời các hộ dân có kiến nghị trong đó có hộ anh N và đại diện Công ty Nước sạch TS đến làm việc để tháo gỡ vướng mắc của các bên, tuy nhiên, các bên không thống nhất được và anh N không thống nhất pH3 án của Công ty Nước sạch TS nên Uỷ ban đã hướng dẫn hộ anh N có quyền khởi kiện tại Toà án.

[6] Lời trình bày của ông Nguyễn Văn NH4n – Trưởng thôn PH3 Chử Đông và bà Đoàn Thị Xinh – cán bộ Văn thư của Uỷ ban xã Trường TH4nh xác nhận: Bà Xinh đã ba lần giao Thông báo của Công ty nước sạch TS trực tiếp cho chị LH2 là vợ của anh N nhận. Ông NH4n xác nhận có 01 lần trực tiếp giao cho chị LH2 nhận. Tuy nhiên, do nghĩ là người quen nên ông NH4n và bà Xinh đều không lập biên bản giao nhận các thông báo đã gửi cho bà LH2.

[7] Uỷ ban xã Trường TH4nh xác nhận: Sau khi ký hợp đồng với Công ty Nước sạch TS về việc cung cấp nước sạch cho nhân dân trong xã thì Công ty đều thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của đơn vị cấp nước theo quy định của pháp luật. Trên địa bàn xã nhu cầu sử dụng nước của người dân ngày càng tăng và có nhiều dịch vụ cho thuê nH4 trọ, dịch vụ ăn uống….Công ty Nước sạch TS đã báo cáo Uỷ ban xã cho phép đàm phán với các hộ dân có hoạt động kinh doanh thoả thuận nộp thêm kinh phí để nâng cấp hệ thống cấp nước đảm bảo nhu cầu dùng nước. Thời điểm đàm phán vào tháng 3 năm 2020. Đa số các hộ dân đều đồng thuận, chỉ có gia đình anh N là không thống nhất được. Nay anh N khởi kiện thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Công ty Nước sạch TS được Uỷ ban nhân dân xã Trường TH4nh cho phép xây dựng nH4 máy nước để cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân toàn xã. Ngày 05/11/2005, Công ty Nước sạch TS và hộ gia đình anh Nguyễn Hải N mà đại diện là chị Nguyễn Ngọc LH2 (vợ của anh N) đã cùng ký kết hợp đồng này. Anh N cũng thừa nhận quá trình thực hiện kể từ khi ký kết cho đến tháng 9 năm 2020 giữa hai bên không có tranh chấp. Xét vệc ký kết hợp đồng mua bán nước sinh hoạt giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã thoả thuận tại hợp đồng – các Điều 116, 117, 118, 385, 401, 513 của Bộ luật Dân sự. Theo thoả thuận tại Điều I, Công ty nước sạch TS đồng ý bán và hộ gia đình anh N đồng ý mua nước của Công ty mục đích sinh hoạt hộ gia đình gồm 04 người. Tuy nhiên, năm 2019, sau khi Công ty nước sạch TS kiểm tra đã phát hiện gia đình anh N không chỉ có 04 tH4nh viên dùng nước mà sau đồng hồ đo nước của gia đình anh N còn đấu nối để cung cấp nước cho 08 phòng trọ. Như vậy, quá trình sử dụng nước hộ gia đình anh N đã vi phạm Điều I, khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng mua bán nước máy số 32PCĐK1 ngày 05/11/2015 mà hai bên đã ký kết. Uỷ ban xã Trường TH4nh xác nhận khoảng tháng 3 năm 2020, Công ty Nước sạch TS và các hộ dân vi phạm sử dụng nước đã đối thoại với nhau, đa số các hộ dân đều thống nhất với pH3 án khắc phục vi phạm mà Công ty Nước sạch TS đưa ra, chỉ có gia đình anh N là không thống nhất. Công ty Nước sạch TS đã thông báo vi phạm này đến hộ anh N. Do vậy, tháng 10 năm 2020, Công ty nước sạch TS ngừng cấp nước cho hộ anh N là phù hợp với thoả thuận của hai bên tại Hợp đồng mua bán nước máy số 32PCĐK1 ngày 05/11/2015. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp

nhận nội dung kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm – khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10.1] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10.2] Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10.3] Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan chị LH2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phức thẩm đã nộp - khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Anh N phải chịu 2.700.000 đồng. Anh N đã nộp đủ, không còn yêu cầu nên không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – anh Nguyễn Hải N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 385, 401, 513 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Nguyễn Hải N về việc buộc Công ty TNHH Nước sạch TS phải đấu lại nguồn cung cấp nước cho gia đình anh Nguyễn Hải N và bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cắt nước với tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Hải N phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001094 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi

cục Thi H4nh án dân sự huyện AL, tH4nh phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Hải N còn phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Công ty TNHH Nước sạch TS và chị Nguyễn Ngọc LH2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hải N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0001187 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi H4nh án dân sự huyện AL, tH4nh phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Hải N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Anh Nguyễn Hải N phải chịu 2.700.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Anh Nguyễn Hải N đã nộp đủ, không còn yêu cầu nên không giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi H4nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H4nh án dân sự thì người được thi H4nh án dân sự, người phải thi H4nh án dân sự có quyền thoả thuận thi H4nh án, quyền yêu cầu thi H4nh án, tự nguyện thi H4nh án hoặc bị cưỡng chế thi H4nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H4nh án dân sự; thời hiệu thi H4nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H4nh án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi H4nh);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện AL, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện AL, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương